

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
SỐ: 14

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**
Địa chỉ : Tầng 18 và 19, Số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 38513205
Fax: 024 38513207
Email: plc@petrolimex.com.vn

CÔNG BỐ:

- Tiêu chuẩn: **TCCS 14:2018/PLC**
DẦU NHỜN THỦY LỰC
PLC AWHYDROIL
- Áp dụng cho hàng hóa:
Dầu nhờn thủy lực PLC AWHYDROIL .

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 14 : 2018/PLC

**DẦU NHỜN THỦY LỰC PLC AWHYDROIL
- YÊU CẦU KỸ THUẬT**


Hà Nội – 2018

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn:	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	3

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn Dầu nhờn thủy lực **PLC AWHYDROIL** số hiệu: TCCS 14 : 2018/PLC do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.

 PETROLIMEX TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU PETROLIMEX	DẦU NHỒN THỦY LỰC PLC AWHYDROIL	<u>TCCS 14 :2018/PLC</u> Lần soát xét : 04 Ngày hiệu lực : 28/08/2018
--	--	--

DẦU NHỒN THỦY LỰC PLC AWHYDROIL – YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này áp dụng cho Dầu nhờn thủy lực **PLC AWHYDROIL 32, 46, 68, 100, 150, 220** do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (PLC) sản xuất.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt
2	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt, min
3	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ chớp cháy
4	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
6	ASTM D1401	Phương pháp thử xác định Đặc tính phá nhũ
7	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Hàm lượng kim loại
8	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho Dầu nhờn thủy lực **PLC AWHYDROIL 32; 46; 68; 100; 150; 220** như sau:

- Phân loại theo độ nhớt ISO: 32; 46; 68; 100; 150; 220

3.2 Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Gốc dầu mỏ.
- Phụ gia: Phụ gia dùng cho dầu thủy lực.

3.3 Yêu cầu đối với sản phẩm Dầu nhờn thủy lực **PLC AWHYDROIL 32, 46, 68, 100, 150, 220**: Sản phẩm có các chỉ tiêu mức chất lượng theo quy định tại bảng dưới đây:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	PLC AWHYDROIL					
		32	46	68	100	150	220
1. Độ nhớt động học ở 40°C	ASTM D445	29÷34	44÷49	64÷72	95÷105	145÷155	210÷230
2. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D97	-12	-10	-9	-9	-9	-6
3. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	97	97	97	95	95	94
4. Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C, min	ASTM D92	200	205	210	215	225	230
5. Độ tạo bọt, max, mL/mL - SEQ I:	ASTM D892	50/0	50/0	50/0	50/0	50/0	50/0
6. Đặc tính phá nhũ: Chiều cao lớp, mL	ASTM D1401	3 max (sau 30 phút)	3 max (sau 30 phút)	3 max (sau 30 phút)	3 max (sau 60 phút)	3 max (sau 60 phút)	3 max (sau 60 phút)
7. Hàm lượng kẽm, %KL	ASTM D4951	0,03÷0,049					

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thu được thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

4. Thông tin bổ sung:

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2017/PLC.

4.2. Bao gói: Dầu nhờn thủy lực **PLC AWHYDROIL 32, 46, 68, 100, 150, 220** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 209 lít, Thùng 25 và 18 lít.

5. Các yêu cầu khác: Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.